

Mẫu yêu cầu báo giá “Áp dụng đối với gói thầu mua sắm trang thiết bị y tế; gói thầu mua sắm linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho trang thiết bị y tế” kèm theo Thông tư 14/2023/TT-BYT ngày 30/6/2023 của Bộ Y tế

**BỘ Y TẾ**  
**BỆNH VIỆN HN VIỆT ĐỨC**

Số: 2118 /VĐ-VTTBYT  
V/v Yêu cầu báo giá TTBYT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2023

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Hiện nay, Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức đang có nhu cầu mua sắm vật tư trang thiết bị y tế. Để có cơ sở tham khảo giá các vật tư trang thiết bị y tế trên thị trường, Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức kính mời các đơn vị, doanh nghiệp kinh doanh có khả năng cung cấp chào giá vật tư trang thiết bị y tế.

**I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá**

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức; số 40 - Tràng Thi - Hoàn Kiếm - Hà Nội

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: CV. Trần Ngọc Sơn, Phòng Vật tư thiết bị y tế, P.207 nhà A2 khu Hành chính - Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức (SĐT: 0965 1805 95).

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Vật tư - Thiết bị y tế, Phòng 207 nhà A2 khu Hành chính - Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức; số 40 - Tràng Thi - Hoàn Kiếm - Hà Nội\

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 16h ngày 28 tháng 07 năm 2023 đến 16h ngày 07 tháng 08 năm 2023.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày phát hành báo giá.

**II. Nội dung yêu cầu báo giá:**

1. Danh mục thiết bị y tế:

| TT | Tên vật tư                     | Đặc tính kỹ thuật   | Số lượng | Đơn vị tính |
|----|--------------------------------|---|----------|-------------|
| 1. | Clip đường kính mở 7.5mm - 9mm | Clip dùng trong nội soi can thiệp cầm máu dạ dày, đại tràng, loại đóng mở 1 lần. Đường kính mở từ 7.5 - 9mm, góc mở khoảng 135 độ. Được làm bằng thép không gỉ hoặc chất liệu khác tương đương. | 600      | Cái         |

| TT | Tên vật tư                       | Đặc tính kỹ thuật   | Số lượng | Đơn vị tính |
|----|----------------------------------|---|----------|-------------|
| 2. | Clip đường kính mở 11mm          | Clip dùng cho nội soi dạ dày, đại tràng, loại đóng mở 1 lần. Đường kính mở khoảng 11mm, góc mở khoảng 135 độ. Được làm bằng thép không gỉ hoặc chất liệu khác tương đương.  | 360      | Cái         |
| 3. | Tay cầm clip xoay được 360 độ    | Tay cầm clip đường kính khoảng 2.7mm, độ dài làm việc tối thiểu 190cm, tay xoay được 360 độ. Chất liệu bằng Titanium hoặc vật liệu khác tương đương. Loại sử dụng được nhiều lần. Tương thích với clip đường kính mở 7.5 - 9mm và clip đường kính mở 11mm tương ứng với mục hàng 1 và 2 trong danh mục này. | 5        | Cái         |
| 4. | Clip cầm máu liền cán            | Clip dùng cho nội soi can thiệp cầm máu dạ dày, đại tràng, loại đóng mở nhiều lần. Có các loại đường kính mở từ $\leq 11 - \geq 16$ mm, góc mở khoảng 135 độ. Được làm bằng thép không gỉ hoặc chất liệu khác tương đương.  | 640      | Cái         |
| 5. | Hemoclips đường kính mở đến 11mm | Sử dụng trong nội soi can thiệp cầm máu đường mật dạ dày, đại tràng. Chất liệu bằng titanium hoặc tương đương. Cán xoay được, đường kính mở đến $\geq 11$ mm. Kẹp được vị trí đặt clip theo ý muốn.   | 20       | Cái         |
| 6. | Hemoclips đường kính mở đến 16mm | Sử dụng trong nội soi can thiệp cầm máu đường mật dạ dày, đại tràng. Chất liệu bằng titanium hoặc tương đương. Cán xoay được, đường kính mở đến $\geq 16$ mm. Kẹp được vị trí đặt clip theo ý muốn.   | 200      | Cái         |



| TT  | Tên vật tư   | Đặc tính kỹ thuật  | Số lượng | Đơn vị tính |
|-----|--|--|----------|-------------|
| 7.  | Bộ thắt tĩnh mạch thực quản                        | Sử dụng can thiệp trong nội soi ống mềm. Cho phép thắt tối thiểu 6 vòng cho một lần thao tác nội soi. Yêu cầu công ty cung cấp thông tin về đường kính trong và đường kính ngoài của hàng hóa. Bộ thắt dùng được với đầu thắt rời.   | 80       | Cái         |
| 8.  | Bộ mở thông dạ dày qua da bằng phương pháp nội soi | Bộ mở thông bằng phương pháp nội soi bao gồm tối thiểu: 01 ống thông dạ dày làm bằng silicon, 01 dây dẫn hướng, 01 dao mổ, 01 miếng đệm gạc, 01 máy cầm máu cong, 01 vòng đệm bên ngoài, 01 ống lót, 01 dây kéo (thông lọng), 01 cây kéo. Đường kính thông lọng khoảng 2mm( $\pm \leq 5\%$ ), chiều dài thông lọng khoảng 240cm.                 | 100      | Cái         |
| 9.  | Ống thông nuôi ăn dạ dày, thành bụng               | Có bóng cố định, dạng đầu tip. Ống thông làm bằng 100% silicon, dung tích bóng $\geq 10$ ml. Có các cỡ khác nhau.  | 30       | Ống         |
| 10. | Nắp chụp bảo vệ dây soi nhỏ                        | Kích thước nắp từ 11 - 17mm, đường kính ngoài đầu tip dây soi từ 8.5 - 14mm, chiều dài tối thiểu 4mm.  | 20       | Cái         |
| 11. | Panh lấy dị vật răng chuột                         | Kênh làm việc khoảng 2.8 mm, chiều dài làm việc trong khoảng 1650 - 2300mm, ngàm răng chuột. Yêu cầu công ty cung cấp thông tin độ mở của ngàm.  | 3        | Cái         |
| 12. | Bóng nong thực quản                                | Bóng nong thực quản có các kích cỡ đường kính từ $\leq 15 - \geq 20$ mm, chiều dài bóng khoảng từ 55 - 60mm; yêu cầu công ty chào kích thước kênh làm việc, đường kính ống thông catheter có tối thiểu cỡ 7.5Fr, chiều dài làm việc dây dẫn tối thiểu 180cm, tối đa 240cm, tương thích với dây dẫn hướng 0.035inch. Có vòng đánh dấu phản quang. | 50       | Cái         |

| TT  | Tên vật tư                               | Đặc tính kỹ thuật  | Số lượng | Đơn vị tính |
|-----|--|--|----------|-------------|
| 13. | Bộ bơm đo áp lực                         | Sử dụng để bơm bóng nong thực quản hoặc bóng nong đường mật. Dung tích bơm khí tối thiểu 20ml. Bao gồm đồng hồ để theo dõi áp lực của bóng nong khi sử dụng.   | 15       | Bộ          |
| 14. | Bóng nong đường mật                      | Bóng nong đường mật có các kích cỡ đường kính từ $\leq 6 - \geq 15$ mm, chiều dài bóng khoảng 55mm ( $\pm 5\%$ ); yêu cầu công ty chào kích thước kênh làm việc, đường kính ống thông catheter có tối thiểu cỡ 7.5Fr, chiều dài làm việc tối thiểu 180cm, tối đa 240cm, tương thích với dây dẫn hướng 0.035inch. Tương thích với dây dẫn hướng. Có vòng đánh dấu phản quang. | 50       | Cái         |
| 15. | Dao cắt cơ thắt (có đầu cách điện)       | Có đầu cách điện, chiều dài dao cắt trong khoảng từ 20 - 25mm. Yêu cầu công ty cung cấp thông tin về kích thước kênh làm việc, chiều dài làm việc, đường kính đầu tip, chiều dài phần đầu tip.   | 30       | Cái         |
| 16. | Dao cắt cơ thắt (không có đầu cách điện) | Dao cắt cơ vòng dùng trong nội soi dạng xoay. Đầu tip có cản quang. Yêu cầu công ty cung cấp thông tin về chiều dài dây cắt, đường kính ngoài, chiều dài đầu tip.  | 50       | Cái         |
| 17. | Dao kim cắt cơ vòng                      | Dao được chia làm 3 kênh riêng biệt: kênh cho dây dẫn hướng, kênh cho dao cắt và kênh bơm cản quang. Yêu cầu công ty cung cấp thông tin về: Kênh làm việc, Chiều dài làm việc, Đường kính đầu cuối, Đường kính kim, Chiều dài kim, Chiều dài phần phủ lớp cách điện của kim.   | 1        | Cái         |



| TT  | Tên vật tư                                 | Đặc tính kỹ thuật   | Số lượng | Đơn vị tính |
|-----|--|---|----------|-------------|
| 18. | Rọ lấy sỏi                                 | Có kênh bơm tưới rửa/thuốc cản quang, có phần kết nối với ống soi, có đánh dấu điểm cắt trên thân dụng cụ. Loại xoay được. Yêu cầu công ty cung cấp thông tin về: Kênh dụng cụ, Chiều dài làm việc, Đường kính của rọ, Độ mở của rọ.  | 50       | Cái         |
| 19. | Tay cầm cho rọ lấy sỏi                     | Sử dụng trong nội soi can thiệp. Trên thân có khóa dụng cụ và núm xoay theo vị trí dụng cụ.   | 1        | Cái         |
| 20. | Dụng cụ phá sỏi                            | Dụng cụ phá sỏi đường mật, yêu cầu công ty cung cấp thông tin về độ mở của hàm, đường kính kênh, chiều dài làm việc.  | 10       | Cái         |
| 21. | Dây dẫn dùng trong nội soi                 | Dây dẫn dùng trong nội soi can thiệp. Chất liệu Nitinol hoặc tương đương, thay đổi được độ uốn cong của dây dẫn. Đầu tip có các dạng thẳng và cong. Chiều dài dây dẫn trong khoảng từ 260 - 450cm, đường kính dây dẫn hướng 0.035inch. Đầu dây có cản quang.  | 100      | Cái         |
| 22. | Stent nhựa đường mật                       | Stent nhựa đường mật có các loại: 2 đầu cong, 1 đầu thẳng 1 đầu cong, 2 đầu thẳng, có vạch đánh dấu trên thân. Có tối thiểu các cỡ đường kính 5Fr, 7Fr, 8.5Fr, 10Fr, 11.5Fr. Stent dài khoảng từ 40mm đến 150mm. Đầu stent dạng tròn giúp stent. Yêu cầu công ty cung cấp thông tin về chất liệu stent. | 150      | Cái         |
| 23. | Dao cắt hút dưới niêm mạc đầu sứ cách điện | Điện cực có hình tam giác/hình đĩa kết hợp đầu sứ cách điện, chiều dài làm việc trong khoảng 1650 - 2300mm. Yêu cầu công ty cung cấp thông tin về: kênh làm việc, chiều dài dao cắt, đường kính đầu cách điện.  | 12       | Cái         |

| TT  | Tên vật tư                            | Đặc tính kỹ thuật   | Số lượng | Đơn vị tính |
|-----|---------------------------------------|---|----------|-------------|
| 24. | Catheter để nhuộm niêm mạc            | Kiểu ống xịt loại phun khuếch tán. Yêu cầu công ty cung cấp thông tin về kích thước kênh làm việc, chiều dài làm việc.  | 2        | Cái         |
| 25. | Canuyn ngang miệng                    | Canuyn ngang miệng, có dây đeo buộc qua đầu để cố định Canuyn. Yêu cầu công ty cung cấp thông tin về độ mở Canuyn.  | 200      | Cái         |
| 26. | Kim siêu âm nội soi chọc hút tế bào   | Chiều dài làm việc khoảng 1400mm, đường kính kim từ $\leq 19 - \geq 22G$ . Yêu cầu công ty cung cấp thông tin về kích thước kênh làm việc   | 30       | Cái         |
| 27. | Lọng cắt Polype các cỡ                | Lọng cắt Polype được làm bằng thép không gỉ hoặc tương đương. Xoay được 360 độ. Lọng cắt hình Oval hoặc hình tròn. Chiều dài thông lọng trong khoảng từ 1600 - 2400mm. Cung cấp được lọng cắt các cỡ có đường kính từ $\leq 10 - \geq 30mm$ . | 100      | Cái         |
| 28. | Kim tiêm cầm máu                      | Đường kính từ $\leq 21 - \geq 25G$ , chiều dài làm việc trong khoảng từ 1600 - 2300mm, có khóa. Độ dài mũi kim từ 4 - 7mm, kênh làm việc khoảng 2.8mm. Yêu cầu công ty cung cấp thông tin về vật liệu kim tiêm cầm máu.                       | 50       | Cái         |
| 29. | Thắt chân polype (Endoloop)           | Sử dụng trong nội soi can thiệp, thắt chân polype gắn liền cán, chiều dài làm việc khoảng 2300mm, kênh làm việc khoảng 2.8mm. Yêu cầu công ty cung cấp thông tin về đường kính vòng cắt.  | 50       | Cái         |
| 30. | Catheter dùng trong nội soi can thiệp | Catheter dùng trong nội soi can thiệp, kênh làm việc khoảng 3.2mm, chiều dài làm việc khoảng 1900mm ( $\pm 5\%$ ). Yêu cầu công ty cung cấp thông tin về đường kính đầu ống.  | 50       | Cái         |



| TT  | Tên vật tư                                   | Đặc tính kỹ thuật  | Số lượng | Đơn vị tính |
|-----|--|--|----------|-------------|
| 31. | Kẹp cầm máu                                  | Kẹp cầm máu loại dùng với dao mổ điện, dùng 1 lần. Chiều dài làm việc trong khoảng từ 1600 - 2300mm. Xoay được. Yêu cầu công ty cung cấp thông tin về kích thước kênh làm việc, độ mở của ngàm.  | 5        | Cái         |
| 32. | Dụng cụ cầm máu dạng xịt cầm máu qua nội soi | Dụng cụ cầm máu dạng xịt bao gồm chất cầm máu, không tiếp xúc, không sử dụng nhiệt, catheter dài khoảng 220cm ( $\leq \pm 5\%$ ). Yêu cầu công ty cung cấp thông tin về kích thước kênh làm việc, đường kính catheter.   | 6        | Cái         |
| 33. | Bóng kéo sỏi đường mật                       | Bóng kéo sỏi có kênh hỗ trợ dây dẫn hướng. Đường kính ống thông từ 6 - 7Fr. Có tối thiểu 2 điểm đánh dấu cản quang đầu và cuối. Tương thích dây dẫn 0.035 inch. Yêu cầu công ty cung cấp thông tin về chiều dài kênh làm việc, đường kính bóng sau khi được bơm phồng. | 50       | Cái         |
| 34. | Dao cắt dưới niêm mạc                        | Dao cắt dưới niêm mạc dùng để đánh dấu điểm trước khi cắt, cắt hớt, tiêm phồng và cầm máu. Chiều dài làm việc trong khoảng từ 1800 - 2200mm; kênh làm việc khoảng 2.8mm. Yêu cầu công ty cung cấp thông tin về: đường kính của ống kim, chiều dài dao.                 | 3        | Cái         |
| 35. | Bóng cao su bọc đầu ống siêu âm nội soi      | Chất liệu làm bằng cao su.   | 120      | Cái         |

(Ghi chú: Trang thiết bị y tế theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất. Giá: Trang thiết bị y tế phải bao gồm toàn bộ chi phí vận chuyển, lắp đặt, nghiệm thu và bàn giao tại nơi sử dụng).

2. Địa điểm giao hàng: Tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức. Số 40 Tràng Thi, phường Hàng Bông, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

3. Thời gian giao hàng dự kiến: tối đa 02 ngày kể từ ngày có yêu cầu giao hàng.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Ghi rõ tỷ lệ tạm ứng, thanh toán hợp đồng và các điều kiện tạm ứng, thanh toán (nếu có).

5. Các thông tin khác (nếu có): (Đính kèm theo Bảng mô tả các tính năng, yêu cầu kỹ thuật cơ bản của các thiết bị y tế; các yêu cầu về địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt; bảo quản thiết bị; thời gian giao hàng dự kiến và các thông tin liên quan khác).

**5.1. Yêu cầu Hồ sơ báo giá bao gồm các tài liệu sau:**

- Đăng ký kinh doanh; Tài liệu chứng minh đủ điều kiện kinh doanh trang thiết bị y tế căn cứ theo Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 và Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/3/2023 của Chính phủ ban hành về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP; Số điện thoại/ Email của đại diện đơn vị báo giá trong trường hợp Bệnh viện cần liên lạc.

- Báo giá (theo mẫu đính kèm).

- Hợp đồng mua bán các thiết bị tương tự (nếu có).

- Catalog, hợp đồng tương tự, cấu hình và tính năng kỹ thuật của thiết bị và các tài liệu khác liên quan (nếu có).

**5.2. Các quy định đối với báo giá:**

- Báo giá có đầy đủ các nội dung, mẫu biểu theo đúng mẫu đính kèm trong yêu cầu báo giá.

- Báo giá phải được đại diện hợp pháp của đơn vị báo giá ký và đóng dấu theo quy định.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Giám đốc (để b/cáo)
- Lưu VT; VTTBYT



**Đinh Hồng Thái**



## Mẫu báo giá

### Áp dụng đối với gói thầu mua sắm trang thiết bị y tế

## BÁO GIÁ

### Kính gửi: Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của .... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư trên yêu cầu báo giá], chúng tôi ....[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

#### 1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ y tế liên quan:

| STT | Danh mục thiết bị y tế | Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất | Mã HS | Năm sản xuất | Xuất xứ | Số lượng/ khối lượng | Đơn giá (VNĐ) | Chi phí cho các dịch vụ liên quan (VNĐ) | Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) |
|-----|------------------------|---|-------|--------------|---------|----------------------|---------------|---|----------------------------------|------------------|
| 1   | Thiết bị A             |   |       |              |         |                      |               |   |                                  |                  |
| 2   | Thiết bị B             |   |       |              |         |                      |               |   |                                  |                  |
| n   | ...                    |   |       |              |         |                      |               |   |                                  |                  |

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu trong vòng:.....ngày, kể từ ngày.....tháng.....năm.....(ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày) kể từ ngày.....tháng.....năm.....kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 – Yêu cầu báo giá)

#### 3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.....tháng.....năm.....

**Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp**

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

### **Ghi chú:**

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.

(5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng tiền Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.



Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.